



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

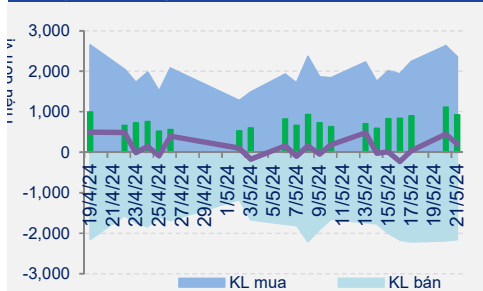
21/5/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

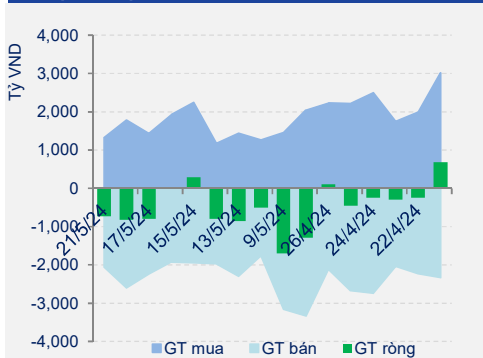
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,277.14	243.29
% Thay đổi	↓ -0.03%	↑ 0.30%
KLGD (CP)	922,172,054	113,996,665
GTGD (tỷ đồng)	23,950.96	2,336.36
Tổng cung (CP)	2,159,324,333	172,866,600
Tổng cầu (CP)	2,358,089,667	162,852,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	61,310,497	2,453,637
KL mua (CP)	44,066,969	1,414,910
GT mua (tỷ đồng)	1,325.94	41.20
GT bán (tỷ đồng)	2,055.41	64.80
GT ròng (tỷ đồng)	(729.47)	(23.60)

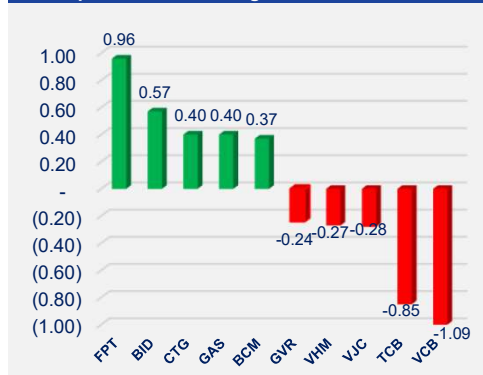
## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 05 phiên liên tiếp tăng điểm và gặp vùng kháng cự mạnh, vùng giá cao nhất ngày 15/04/2024, VN-INDEX đã gặp áp lực điều chỉnh rung lắc mạnh dưới ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 khi VN30 liên tục chịu áp lực kiểm tra lại vùng đỉnh tháng 03/2024. Trong phiên VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.265 điểm và phục hồi trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,44 điểm (-0,03%) về mức 1.277,14 điểm. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 0,72 điểm (+0,30%) lên mức 242,56 điểm, vượt lên giá cao nhất phiên giảm mạnh, với kỳ vọng hướng đến đỉnh giá tháng 03/2024 quanh 245 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với áp lực điều chỉnh giá tăng ở vùng kháng cự mạnh khi có 336 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 290 mã tăng (21 mã tăng trần) và 127 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 26.275,58 tỷ đồng được giao dịch, giảm 11,64% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Áp lực điều chỉnh ở nhiều mã đang ở mức bình thường, trong khi dòng tiền vẫn luân chuyển giữa các mã/nhóm mã. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HOSE với giá trị 716,87 tỷ đồng, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, bất động sản trong VN30; tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 23,60 tỷ đồng.

Theo văn bản số 231/TB-VPCP ngày 18/5/2024 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, thị trường vàng, tỷ giá, lãi suất và huy động vốn cho đầu tư phát triển. Trong đó, Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục phân đấu giảm 1% - 2% lãi suất cho vay, điều hành tỷ giá linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ. Quyết tâm có giải pháp thiết thực, hiệu quả để phân đấu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến hết Quý II năm 2024 ở mức 5% - 6%.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng không có nhiều diễn biến tích cực trước thông tin trên, đa số biến động, điều chỉnh trong biên độ hẹp, thanh khoản ở mức trung bình như TCB (-2,07%), BVB (-2,36%), OCB (-1,03%), VCB (-0,87%)... ngoại trừ KLB (+12,28%), ABB (+12,35%), VAB (+2,04%) đột biến mạnh tích cực. Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình ngoài một số mã duy trì xu hướng tăng giá vượt trội như BVS (+6,05%), CTS (+3,18%), VDS (+3,04%)...

Mặc dù VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy khi gặp vùng kháng cự mạnh, tuy nhiên thị trường vẫn duy trì nhiều mã/nhóm mã tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng khá đột biến như trong nhóm cảng biển-vận tải biển với SGP (+9,52%), VOS (+6,85%), DXP (+3,76%)... phân bón với DCM (+5,29%), BFC (+4,06%), DDV (+3,70%)..., mía đường như LSS (+6,88%), QNS (+1,86%)... thủy sản như VHC (+1,97%), IDI (+1,68%)...

Các cổ phiếu công nghệ viễn thông phân hóa hơn, nhưng nhiều mã vẫn có diễn biến tăng giá vượt trội so với thị trường chung như VTK (+8,44%), CMG (+4,24%), FPT (+2,26%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh FOX (-2,01%), VTP (-1,31%), CTR (-1,30%)... Các cổ phiếu dầu khí, vận tải dầu khí cũng có diễn biến tích cực, nhiều mã tăng giá tốt, vượt đỉnh gần nhất, thanh khoản gia tăng mạnh như PVB (+4,41%), PVC (+2,55%), PVT (+2,23%), VTO (+2,01%)...

Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản, khu công nghiệp có diễn biến kém tích cực hơn đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm dưới mức trung bình như SJP (-2,50%), PDR (-1,16%), KDH (-1,08%), CEO (-1,04%)... ngoài nhiều mã tăng giá mạnh, đột biến với DTD (+10,00%), CCL (+6,98%), HPX (+6,96%), FIR (+6,91%), NHA (+6,89%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 2 điểm (+0,15%), chênh lệch trở lại dương 3,48% so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 12,31% so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 tăng trưởng và đang ở quanh vùng giá cao nhất tháng 03/2024 tương ứng 1.307,6 điểm. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -0,52 điểm đến 2,98 điểm so với VN30 cho thấy các trader vẫn lạc quan với xu hướng của VN30 khi chỉ số đang vượt lên vùng đỉnh giá cao nhất tháng 03/2024.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Sau giai đoạn phục hồi và tăng giá tốt, VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy khi gặp vùng kháng cự mạnh 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng với vùng điểm số trước khi giảm mạnh cũng như vùng giá cao nhất tháng 09/2022. Đóng cửa VN-INDEX giảm nhẹ -0,44 điểm (-0,03%), ở mức 1.277,14 điểm sau khi rung lắc rất mạnh trong phiên.

Trong ngắn hạn, thị trường vẫn đang khá tích cực, khi VN-INDEX vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm -1.300 điểm, kháng cự gần nhất quanh 1.282 điểm, tương ứng giá cao nhất ngày 15/04/2024. Thị trường vẫn luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhờ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm, và nhiều mã tiếp tục xu hướng tăng giá tốt.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh. Trong ngắn hạn VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy để kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng quanh 1.250 điểm và vẫn có khả năng vượt lên vùng giá cao hơn quanh 1.300 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 03/2024, cũng như vùng giá cao nhất tháng 08/2022.

VN-INDEX đang có diễn biến rung lắc như dự kiến sau khi vượt lên kháng cự mạnh 1.250 điểm với đặc điểm thị trường ngắn hạn là đang luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhờ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm. Vì vậy vẫn mở ra nhiều vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/5/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
CTD	72.9	59-62	78-80	57	38.3	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	38.8	33-34	40-42	32	16.8	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
VEA	39.37	37.5-38.6	46-47	35	8.3	-11.0%	4.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	19.79	19-20	26-28	18	7.6	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	19.00	18-18.6	21.5-22	17	11.4	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	34.90	32	38-39	34	9.1%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	35.85	32.2	37-38	33	11.3%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.25	14.2	18-18.5	16.4	21.5%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	40.60	36.8	43-44	39	10.3%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.40	28.75	32-33	30	9.2%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	136.00	114.2	134-136	131	19.1%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Đề xuất gia hạn thuế tiêu thụ đặc biệt với ô tô sản xuất trong nước**

BTC đề xuất doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đến 20/11. Cụ thể, cơ quan này đề nghị lùi thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt của kỳ tính thuế tháng 6, 7, 8, 9/2024 sang muộn nhất vào 20/11. 3 tháng đầu năm, tiêu thụ xe sản xuất, lắp ráp trong nước bình quân 14.160 xe/tháng. Số tiêu thụ đặc biệt dự kiến bình quân một tháng phát sinh trong các tháng tiếp theo khoảng 2.140 tỷ đồng. Tương ứng, tiền thuế thuế được gia hạn trong 4 kỳ tính thuế khoảng 8.560 tỷ đồng. BTC dự đoán trong năm 2024, thị trường ô tô và toàn nền kinh tế đối mặt với tác động tiêu cực do khủng hoảng kinh tế, xung đột địa chính trị. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ còn khó khăn, do vậy, nhà chức trách cho rằng tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước là cần thiết.

**Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam tiếp tục tăng cao**

Tổng cục Hải quan vừa công bố số liệu thống kê cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu cả nước trong 4 tháng/2024 đạt 238,95 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI đạt 161,64 tỷ USD, tăng 12,2%; tổng trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đạt 77,31 tỷ USD, tăng 21,6%. Cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 9,02 tỷ USD trong 4 tháng, tăng 1,17 tỷ USD so với mức thặng dư 7,85 tỷ USD của 4 tháng/ 2024. Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 4 năm 2024 đạt 15,91 tỷ USD, tăng 5,9%. Tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong kỳ 2 tháng 4 năm 2024 đạt 11,11 tỷ USD, tăng 4,9%.

**Luật Đấu giá tài sản: Nâng mức đặt trước tối thiểu lên 10% để hạn chế tình trạng bỏ cọc khi trúng đấu giá**

Chiều 21/5, Chương trình Kỳ họp thứ 7, chủ trì bởi CTQH Trần Thanh Mẫn, Quốc hội thảo luận phiên toàn thể tại hội trường về một số nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật quy định rõ hơn về tiền đặt trước đối với một số tài sản đặc thù và thường là tài sản có giá trị lớn, có thể tác động đến thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, mức tiền đặt trước tối thiểu là 10% và mức tối đa là 20% giá khởi điểm để góp phần hạn chế tình trạng người trúng đấu giá bỏ cọc, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành về khoáng sản, đất đai.

**Sau kết quả đấu thầu 21/5, giá vàng trong nước đứng yên**

Theo thông báo kết quả tổng hợp đấu thầu vàng miếng SJC ngày 21/5, của NHNN cho thấy, đã có 9 thành viên trúng thầu với tổng khối lượng 79 lô (7.900 lượng vàng). Giá trúng thầu cao nhất và thấp nhất đều là 89,42 triệu đồng/lượng. Nếu tính cả phiên giao dịch hôm nay, NHNN đã tung ra thị trường 35.100 lượng vàng kể từ khi tổ chức đấu thầu vàng miếng SJC. Đầu giờ chiều nay 21/5, giá vàng miếng SJC vào thời điểm có kết quả đấu thầu, được Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn niêm yết ở mức 88,5 triệu đồng/lượng (mua vào) và 90,5 triệu đồng/lượng (bán ra), giảm 500.000 đồng/lượng so với phiên trước đó. Chênh lệch mua - bán là 2 triệu đồng/lượng. Như vậy, giá trúng thầu phiên đấu thầu hôm nay chỉ "kém" giá vàng miếng bán ra khoảng 1,08 triệu đồng/lượng.



**TIN DOANH NGHIỆP****Hợp nhất 2 công ty con, CII báo lãi ròng đột biến**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) ghi nhận doanh thu đạt 878 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính cũng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ, đạt 532 tỷ đồng. Trong đó, hơn 430 tỷ đồng là khoản lãi phát sinh từ đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư và công ty liên kết khi CII nắm quyền kiểm soát. Chi phí tài chính và chi phí quản lý lần lượt tăng 32% và gấp 2,2 lần so với cùng kỳ, tương ứng gần 451 tỷ đồng và 187 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt hơn 259 tỷ đồng, trong khi quý I/2023 chỉ 7 tỷ đồng. Đạt kết quả này, CII cho biết là nhờ tăng lợi nhuận ròng từ hoạt động BOT Trung Lương – Mỹ Thuận và từ lợi nhuận hợp nhất từ CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) sau khi trở thành công ty con của CII từ quý I/2024. Tại thời điểm cuối quý I, tổng tài sản của CII ghi nhận hơn 36.200 tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm.

**Nhà nước sẽ bán 30% vốn Becamex IDC**

Phó thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 426 phê duyệt tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (BCM) đến năm 2025. Theo quyết định, tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại Becamex IDC từ 95,44% vốn điều lệ xuống mức trên 65% vốn điều lệ đến hết năm 2025, tức sẽ thoái hơn 30% cổ phần. Đồng thời bãi bỏ nội dung về kế hoạch sắp xếp đối với Becamex IDC (số thứ tự 29) thuộc Mục 2 Kế hoạch giữ nguyên phần vốn Nhà nước tại Phụ lục III về Kế hoạch thực hiện thoái vốn và giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1479 của Thủ tướng.

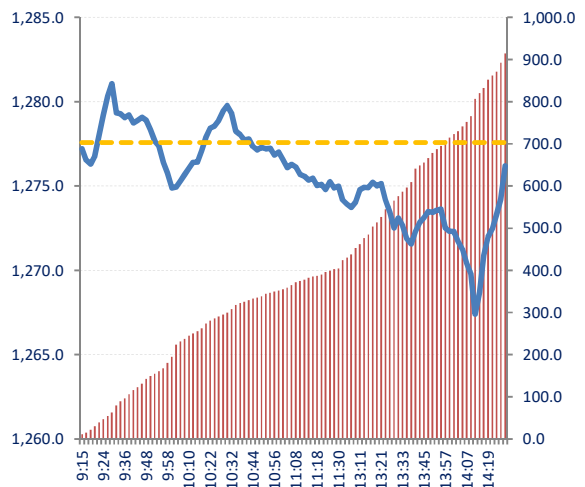
**Đông Hải Bến Tre sắp chia cổ tức tỷ lệ 10%, kế hoạch mở thêm nhà máy bao bì**

CTCP Đông Hải Bến Tre (DHC) thông báo chốt quyền trả cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 10/06. Tỷ lệ thực hiện là 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp được nhận 1,000 đồng. Với gần 80.5 triệu cp đang lưu hành, ước tính Doanh nghiệp cần chi gần 80.5 tỷ đồng để hoàn tất. Thời gian thực hiện dự kiến vào 28/06/2024. Trước đó, vào cuối năm 2023, Đông Hải Bến Tre đã chi hơn 80 tỷ đồng, tỷ lệ 10%, để tạm ứng cổ tức đợt 1/2023. Nếu thực hiện đúng kế hoạch, DHC sẽ hoàn thành chỉ tiêu chia cổ tức năm 2023 đạt ra với tổng tỷ lệ 20%. Công ty dự kiến tiếp tục giữ mức chia cổ tức 20% cho năm 2024. Khép phiên 21/05, giá cổ phiếu DHC tạm dừng ở mức 40,450 đồng/cp, tăng 6% so với đầu năm, thanh khoản bình quân gần 376 ngàn cp/phiên.

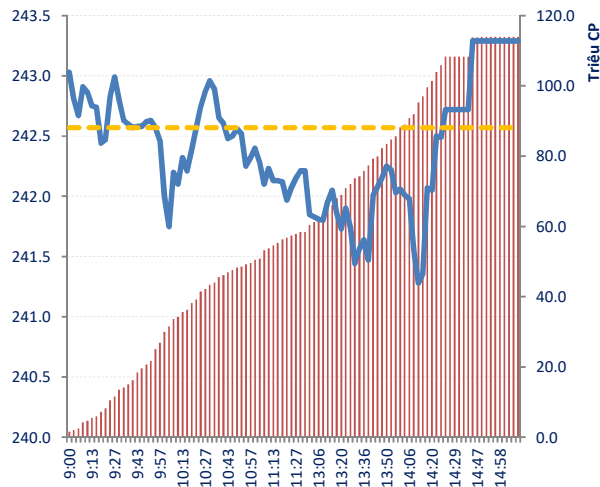
**Đạm Cà Mau (DCM) thu tóm Công ty phân bón Hàn – Việt (KVF)**

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM) vừa công bố thông tin hoàn thành giao dịch mua 100% vốn góp tại Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt (KVF). Cụ thể, ngày 17/5/2024, PVCFC đã hoàn thành giao dịch mua 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt (Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Hàn Việt với PVCFC làm chủ sở hữu). Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Hàn Việt được thành lập ngày 21/05/2015, 100% là vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp hoạt động chính trong mảng sản xuất phân bón NPK, với vốn điều lệ gần 2.054 tỷ đồng. Chủ trương mua lại 100% vốn KVF của DCM đã được thông qua từ 2023.

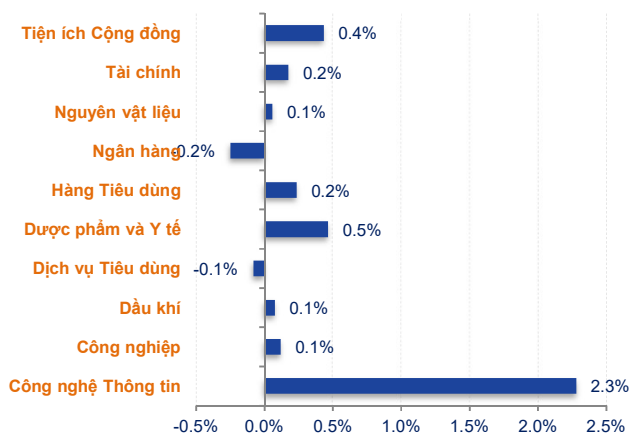
## KLGD và VN-Index trong phiên



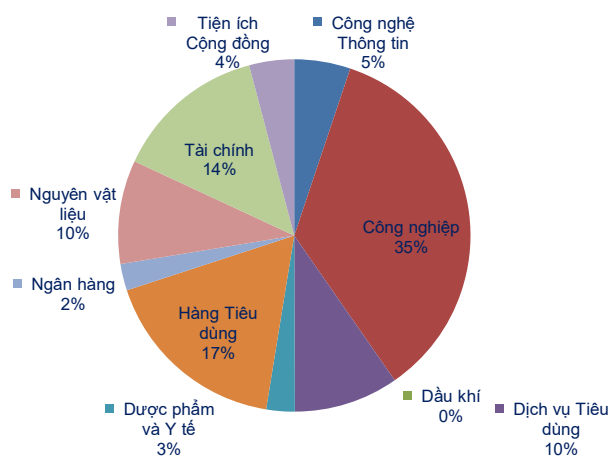
## KLGD và HNX-Index trong phiên



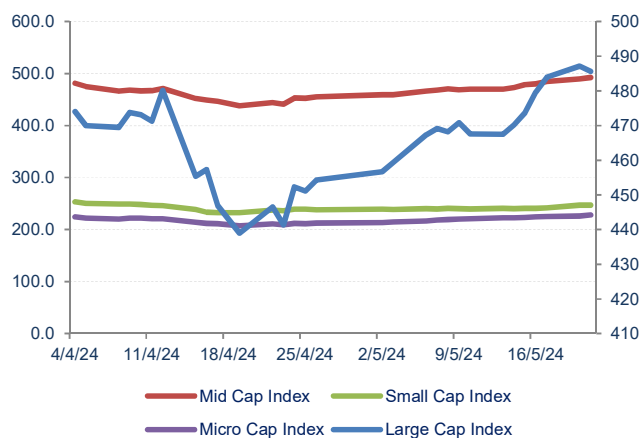
## Biến động giá phân theo nhóm Ngành



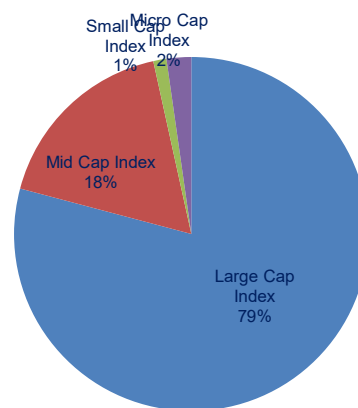
## Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



## Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



## Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DBC	8,685,430	KBC	6,198,349	1	MBS	378,600	TNG	685,803
2	HPG	2,622,142	VPB	3,876,979	2	PVS	133,105	IDC	241,300
3	HAG	1,793,920	VHM	3,510,949	3	DTD	47,000	HUT	203,800
4	NVL	1,350,473	SHB	2,265,445	4	LAS	42,500	IDJ	100,800
5	DCM	1,086,900	VND	2,112,839	5	VFS	23,400	NDN	94,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.85	11.85	⇒ 0.00%	40,828,000	SHS	19.60	19.50	↓ -0.51%	18,397,598
LPB	23.00	22.80	↓ -0.87%	39,390,100	CEO	19.20	19.00	↓ -1.04%	7,683,939
EIB	18.50	18.45	↓ -0.27%	28,482,200	PVS	44.70	45.40	↑ 1.57%	6,664,352
VIB	22.50	22.60	↑ 0.44%	26,207,601	MBS	32.00	32.80	↑ 2.50%	6,600,512
VPB	19.80	19.80	⇒ 0.00%	24,650,900	TNG	26.30	26.20	↓ -0.38%	4,916,182

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	47.20	50.50	3.30	↑ 6.99%	DTD	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
NAF	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%	ATS	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%
PAC	37.95	40.60	2.65	↑ 6.98%	HMR	29.90	32.70	2.80	↑ 9.36%
CCL	8.60	9.20	0.60	↑ 6.98%	API	6.60	7.20	0.60	↑ 9.09%
HPX	6.75	7.22	0.47	↑ 6.96%	AAV	5.60	6.10	0.50	↑ 8.93%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
REE	67.50	59.20	-8.30	↓ -12.30%	STP	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
HAS	8.98	8.41	-0.57	↓ -6.35%	TKU	17.90	16.20	-1.70	↓ -9.50%
VCA	9.55	9.00	-0.55	↓ -5.76%	HTC	25.50	23.10	-2.40	↓ -9.41%
SPM	11.70	11.05	-0.65	↓ -5.56%	PMP	14.00	12.70	-1.30	↓ -9.29%
CCI	21.10	20.00	-1.10	↓ -5.21%	KHS	11.00	10.00	-1.00	↓ -9.09%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	40,828,000	15.6%	2,151	5.5	0.8
LPB	39,390,100	21.6%	2,914	7.8	1.6
EIB	28,482,200	9.0%	1,147	16.1	1.4
VIB	26,207,601	23.0%	3,317	6.8	1.5
VPB	24,650,900	8.9%	1,525	13.0	1.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,397,598	5.7%	688	28.4	1.5
CEO	7,683,939	2.8%	365	52.1	1.6
PVS	6,664,352	7.1%	1,992	22.8	1.6
MBS	6,600,512	13.0%	1,475	22.2	2.7
TNG	4,916,182	12.5%	1,981	13.2	1.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	22.1%	6,067	8.3	1.7
NAF	↑ 7.0%	11.3%	1,745	11.0	1.0
PAC	↑ 7.0%	12.7%	2,515	16.1	2.0
CCL	↑ 7.0%	8.9%	1,014	9.1	0.8
HPX	↑ 7.0%	4.8%	565	12.8	0.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	↑ 10.0%	11.0%	2,729	11.3	1.2
ATS	↑ 9.5%	0.5%	57	240.3	1.1
HMR	↑ 9.4%	9.2%	1,214	26.9	2.5
API	↑ 9.1%	-6.9%	(772)	-	0.7
AAV	↑ 8.9%	-2.1%	(241)	-	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	8,685,430	8.9%	1,729	20.3	1.8
HPG	2,622,142	9.2%	1,601	19.9	1.8
HAG	1,793,920	26.6%	1,739	8.6	1.9
NVL	1,350,473	1.4%	315	45.3	0.6
DCM	1,086,900	12.0%	2,313	16.8	2.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	378,600	13.0%	1,475	22.2	2.7
PVS	133,105	7.1%	1,992	22.8	1.6
DTD	47,000	11.0%	2,729	11.3	1.2
LAS	42,500	12.0%	1,487	15.1	1.7
VFS	23,400	7.8%	1,013	18.8	1.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,166	20.0%	5,838	15.6	2.9
BID	285,022	18.1%	3,841	13.0	2.2
HPG	185,201	9.2%	1,601	19.9	1.8
CTG	180,700	16.2%	3,751	9.0	1.4
VIC	177,609	6.1%	2,307	20.1	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,700	7.1%	1,992	22.8	1.6
IDC	20,559	31.7%	5,880	10.6	3.2
SHS	15,857	5.7%	688	28.4	1.5
HUT	15,530	0.7%	97	178.9	1.4
MBS	14,355	13.0%	1,475	22.2	2.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.43	-9.6%	(1,295)	-	0.5
CCL	2.38	8.9%	1,014	9.1	0.8
DC4	2.28	16.4%	2,022	5.8	0.9
FIR	2.26	1.9%	223	34.0	0.6
TCD	2.13	1.7%	230	30.0	0.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

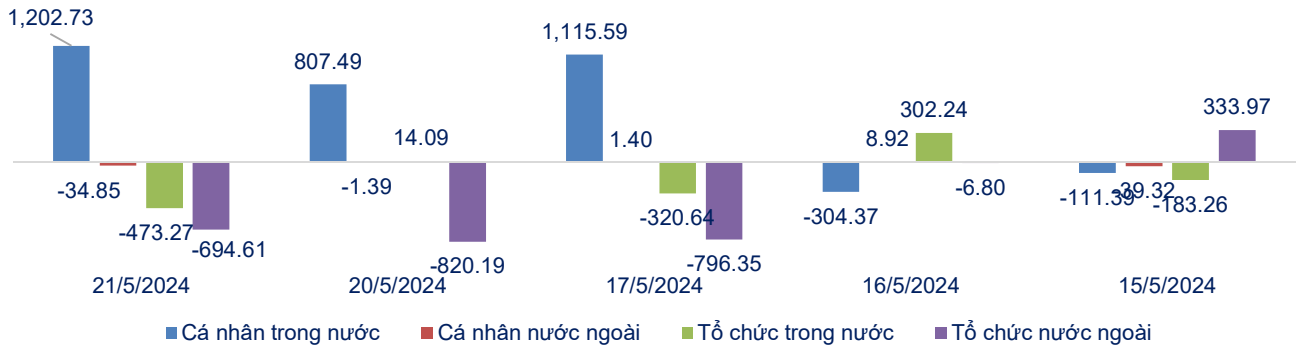
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.07	9.2%	1,214	26.9	2.5
API	3.42	-6.9%	(772)	-	0.7
IDJ	3.00	5.0%	584	11.5	0.6
PHN	2.61	39.6%	8,294	9.6	3.4
DTD	2.54	11.0%	2,729	11.3	1.2





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	179.44	12.1%	5,074	7.9	0.9
KBC	173.92	4.9%	1,274	24.6	1.2
MSB	127.58	14.9%	2,310	6.2	0.9
AGG	126.29	12.5%	2,965	8.8	1.1
VNM	102.10	26.0%	4,410	15.0	3.9

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	-78.40	8.9%	1,729	20.3	1.8
MWG	-75.67	4.4%	717	84.4	3.4
HPG	-44.91	9.2%	1,601	19.9	1.8
DCM	-34.53	12.0%	2,313	16.8	2.0
MBB	-33.65	21.5%	3,864	6.1	1.2

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	3.66	4.9%	1,274	24.6	1.2
FPT	2.14	22.8%	5,338	25.5	5.4
HPG	1.76	9.2%	1,601	19.9	1.8
HAX	1.33	4.6%	505	32.3	1.4
VHM	1.07	12.1%	5,074	7.9	0.9

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-13.08	8.9%	1,525	13.0	1.1
STB	-6.51	17.7%	4,206	6.7	1.1
VCB	-5.10	20.0%	5,838	15.6	2.9
VIC	-3.66	6.1%	2,307	20.1	1.1
AAA	-2.02	6.0%	967	11.9	0.7

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	77.44	4.4%	717	84.4	3.4
TCB	61.50	15.2%	5,606	8.4	1.2
VPB	54.19	8.9%	1,525	13.0	1.1
SSI	53.46	11.1%	1,703	21.6	2.3
HDB	36.03	24.7%	3,831	6.4	1.4

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	-210.18	8.9%	1,729	20.3	1.8
AGG	-135.54	12.5%	2,965	8.8	1.1
MSB	-127.31	14.9%	2,310	6.2	0.9
PC1	-61.55	2.8%	651	43.5	1.2
HAH	-53.17	10.3%	2,978	14.8	1.4

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	288.68	8.9%	1,729	20.3	1.8
HPG	81.61	9.2%	1,601	19.9	1.8
DCM	41.50	12.0%	2,313	16.8	2.0
HAG	26.24	26.6%	1,739	8.6	1.9
NVL	18.75	1.4%	315	45.3	0.6

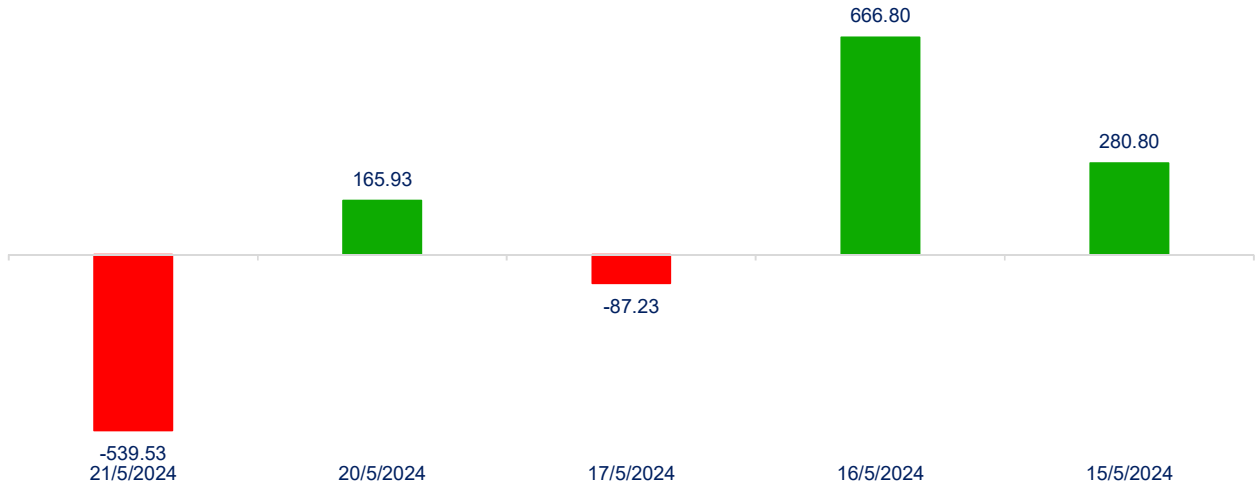
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-196.39	4.9%	1,274	24.6	1.2
VHM	-142.69	12.1%	5,074	7.9	0.9
VNM	-90.65	26.0%	4,410	15.0	3.9
TCB	-78.91	15.2%	5,606	8.4	1.2
VCB	-76.22	20.0%	5,838	15.6	2.9

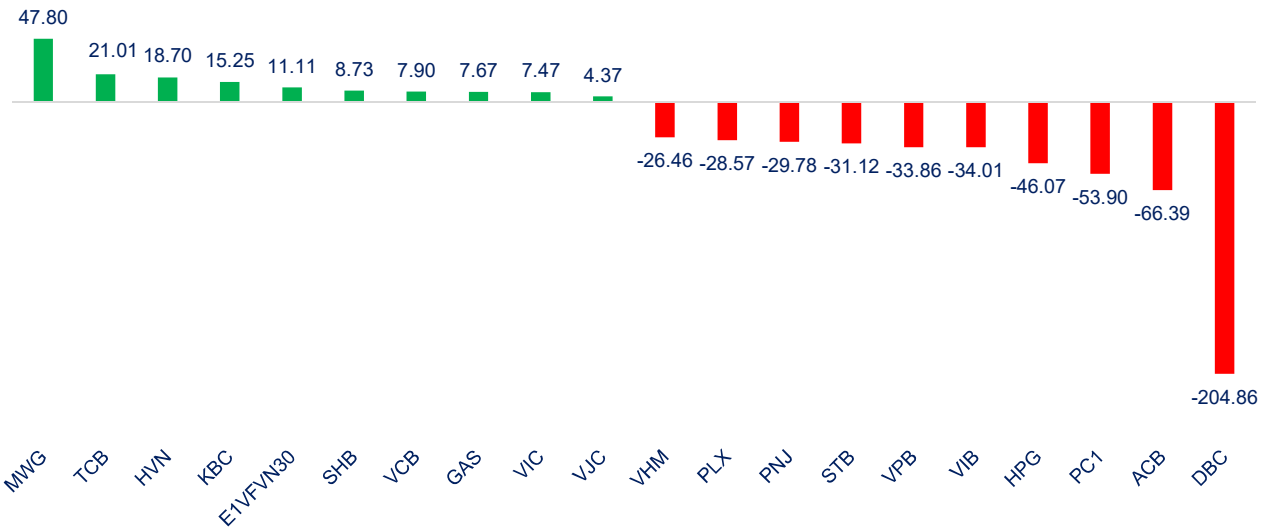


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)